

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 16/11/2021

V/v « *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và cấp dưỡng nuôi con chung* »

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Văn Thuận.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Thành và Bà Dương Thị Vân.

Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2021/HNGĐ-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ST bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2021/QĐXX-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1976

Trú tại: Thôn 2, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm: 1980.

Trú tại: Thôn 2, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Văn L (Có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo như án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:

Chị và anh Lê Văn L kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum vào ngày 21/01/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến ngày 20/5/2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh Lê Văn L thường xuyên sử dụng

rượu bia, gây bạo lực, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, làm ảnh hưởng đến tinh thần và công việc của chị. Thường xuyên gây áp lực đến sự phát triển cũng như các vấn đề học tập của các con. Vào năm 2016 chị đã nộp đơn xin ly hôn, Tòa án tiến hành hòa giải và chị cũng thống nhất bỏ qua để vợ chồng cùng về chung sống lo làm ăn nuôi dạy các con. Năm 2019, chị H tiếp tục đưa đơn yêu cầu xin ly hôn nhưng vì lý do gia đình nên chị rút đơn. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, anh L không thực hiện được lời hứa của mình mà còn không chung thủy. Đến nay, chị nhận thấy mình không còn tình cảm và đủ sự tin tưởng đối với anh L nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn L có 02 con chung là Lê Hoài Ph, sinh ngày 02/10/2005 và Lê Phương Tr, sinh ngày 10/01/2010. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao các con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và anh L phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng đối với 2 con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xin được thay đổi là anh Lộc phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Lê Phương Tr số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn L đồng ý với phần trình bày của chị H về thời gian kết hôn và con. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng thì anh không đồng ý với phần trình bày của chị H, hai vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây chị H ghen tuông nên mới nộp đơn xin ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ST đã xét xử như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*” đề ngày 09/6/2021 của chị Lê Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao các con chung Lê Hoài Ph, sinh ngày 02/10/2005 và Lê Phương Tr, sinh ngày 10/01/2010 cho chị Lê Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được.

Anh Lê Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phương Tr với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đến thời điểm thanh toán mà anh Lê Văn L chưa cấp dưỡng số tiền nêu trên cho chị Lê Thị Kim H thì anh Lê Văn L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo của đương sự theo pháp luật.

Ngày 28/9/2021, anh Lê Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ST.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, thấy rằng: Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, phân tích mâu thuẫn về tình cảm vợ, chồng giữa chị Lê Thị Kim H và anh Lê Văn L, căn cứ vào các lời khai của các bên, các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh L, chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và giải quyết cho chị H được ly hôn với anh L là có cơ sở, đúng pháp luật. Về con chung, cấp sơ thẩm đã xem xét hoàn cảnh, cũng như nguyện vọng của các con để giải quyết cho chị H được trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L yêu cầu mỗi người nuôi một con là không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn L, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn L hợp lệ, nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn L, đề nghị cấp phúc thẩm xử bác đơn khởi kiện của chị Lê Thị Kim H và anh L nêu lý do của việc kháng cáo là vợ chồng còn tình cảm, anh không muốn ly hôn.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, về con chung như trình bày của các đương sự cũng như nhận

định của bản án sơ thẩm xác định, hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim H và anh Lê Văn L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Xét nguyên nhân mâu thuẫn:

- Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng: Theo chị H là do bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên sử dụng rượu bia, gây bạo lực, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, làm ảnh hưởng đến tinh thần và công việc của chị, thường xuyên gây áp lực đến sự phát triển cũng như các vấn đề học tập của các con chung; anh L không chung thủy với chị. Còn anh L không đồng ý với lời trình bày của chị H về nguyên nhân mâu thuẫn. Hai vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây chị H ghen tuông nên mới nộp đơn yêu cầu ly hôn.

Thấy rằng, tại giai đoạn sơ thẩm chị H giao nộp các hình ảnh chụp chung, các đoạn tin nhắn nội dung trên mức tình cảm bạn bè giữa anh L với người phụ nữ khác cho thấy nội dung trình bày của chị H cho rằng anh L không chung thủy dẫn đến chị H ghen tuông nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ.

- Biên bản xác minh ngày 25/8/2021 tại Công an thị trấn ST thể hiện vợ chồng anh L, chị H đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau, anh L có đánh chị H và chị H phải báo Công an giải quyết nhiều lần.

- Mặt khác, các con chung của anh L, chị H cũng trình bày thường xuyên chứng kiến việc bố mẹ cãi nhau và bố có đánh mẹ.

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị H đã xảy ra nhiều lần, thể hiện qua việc chị H đã từng hai lần nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L vào năm 2016 và 2019 cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L, chị H đã xảy ra và kéo dài trong nhiều năm, cho đến nay năm 2021 chị H lại tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị H khẳng định không còn tình cảm, không còn đủ sự tin tưởng với anh L nữa nên đề nghị được ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải phân tích cho các đương sự về hậu quả của việc ly hôn, nhưng chị H không rút đơn khởi kiện và một lần nữa khẳng định chị không còn tình cảm gì với anh L, nay chị vẫn cương quyết muốn được ly hôn. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của anh L.

Xét thấy, qua các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua lời khai thể hiện thái độ của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, anh L cho rằng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, thì mỗi người nuôi một con chung. Tuy nhiên, xem xét đến hoàn cảnh, công việc của anh L, thì chị H có điều kiện và thời gian chăm sóc con tốt hơn, nguyện vọng của các con đều muốn ở với mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và quyết định cho chị H là người trực tiếp nuôi con chung là có cơ sở. Kháng cáo của bị đơn anh L không có

căn cứ chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án 07/2021/HNGĐ-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ST.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Đơn kháng cáo của anh Lê Văn L không được chấp nhận nên anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 14/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ST.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*” đề ngày 09/6/2021 của chị Lê Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim H được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao các con chung Lê Hoài Ph, sinh ngày 02/10/2005 và Lê Phương Tr, sinh ngày 10/01/2010 cho chị Lê Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được.

Anh Lê Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phương Tr với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đến thời điểm thanh toán mà anh Lê Văn L chưa cấp dưỡng số tiền nêu trên cho chị Lê Thị Kim H thì anh Lê Văn L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004197, ngày 09/06/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Kon Tum. Chị Lê Thị Kim H đã nộp đủ.

Anh Lê Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Tổng cộng anh L phải chịu tiền án phí là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ đi 300.000 đồng mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004001 ngày 05/10/2021. Anh L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/11/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND huyện ST;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thuận